



FUROSEMIDE

Viên nén

CÔNG THỨC:

Furosemide.....40mg

Tá dược vừa đủ.....1 viên

(Tinh bột ngô, Lactose, Sodium starch glycolate, Magnesium stearate).

DƯỢC LỰC HỌC:

- Furosemide là thuốc lợi tiểu dẫn chất Sulfonamide thuộc nhóm tác dụng mạnh, nhanh, phụ thuộc liều lượng. Thuốc tác dụng ở nhánh lên của quai Henle nên được xếp vào nhóm thuốc lợi tiểu quai.

- Cơ chế tác dụng của Furosemide là ức chế hệ thống đồng vận chuyển Na^+ , K^+ , 2Cl^- , ở đoạn dày của nhánh lên quai Henle, làm tăng thải trừ những chất điện giải này kèm theo tăng bài xuất nước. Cũng có sự tăng đào thải Ca^{++} và Mg^{++} .

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Furosemide hấp thu tốt qua đường uống. Sự hấp thu của Furosemide có thể kéo dài và có thể giảm bởi thức ăn. Lượng thuốc hấp thu được thải chủ yếu qua thận, phần còn lại thải trừ qua phân, thuốc thải trừ hoàn toàn trong vòng 24 giờ.

CHỈ ĐỊNH:

- Phù phổi cấp, phù do tim, gan, thận và các loại phù khác.
- Tăng huyết áp khi có tổn thương thận.
- Tăng calci huyết.

CÁCH DÙNG:

- Theo chỉ dẫn của bác sỹ.
- Liều đề nghị:
 - + Điều trị phù: liều uống bắt đầu thường dùng là 1 viên/ngày. Điều chỉnh liều nếu thấy cần thiết tùy theo đáp ứng.
 - + Điều trị tăng huyết áp: uống 1 - 2 viên/ngày, dùng riêng hoặc phối hợp với các thuốc hạ huyết áp khác.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn với một trong các thành phần của thuốc.
- Tiền hôn mê gan, hôn mê gan.
- Vô niệu hoặc suy thận do các thuốc gây độc đối với thận hoặc gan.

THẬN TRỌNG:

- Người bệnh phì đại tuyến tiền liệt hoặc tiểu khó vì có thể thúc đẩy bí tiểu tiện cấp.
- Thận trọng khi sử dụng thuốc cho người lái xe và vận hành máy móc.

THỜI KỲ MANG THAI - CHO CON BÚ:

- Phụ nữ mang thai: trong 3 tháng cuối thai kỳ, thuốc chỉ được dùng khi không có thuốc thay thế, và chỉ với liều thấp nhất trong thời gian ngắn.
- Phụ nữ cho con bú: khi dùng thuốc nên ngừng cho con bú vì thuốc có nguy cơ ức chế tiết sữa.

TÁC DỤNG PHỤ:

- Tuần hoàn: giảm thể tích máu trong trường hợp liệu pháp điều trị liều cao. Hạ huyết áp thể đứng.
 - Chuyển hóa: giảm kali huyết, giảm natri huyết, giảm magnesi huyết, giảm calci huyết, tăng acid uric huyết, nhiễm kiềm do giảm clor huyết.
- Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Không phối hợp Furosemide với:
 - + Cephalothin, Cephaloridine: tăng độc tính cho thận.
 - + Muối Lithium: làm tăng nồng độ Lithium, có thể gây độc.
 - + Aminoglycoside: tăng độc tính cho tai và thận.
 - + Glycoside tim: tăng độc tính do hạ K^+ máu.
 - + Cisplatin: tăng độc tính thính giác.
- Thận trọng khi phối hợp với thuốc kháng viêm không steroid, corticosteroid, thuốc chữa bệnh tiểu đường, thuốc giãn cơ không khử cực, thuốc chống đông, thuốc hạ huyết áp. Nếu phối hợp cần điều chỉnh liều.

QUÁ LIỀU & CÁCH XỬ TRÍ:

- Triệu chứng: mất cân bằng nước và điện giải bao gồm: đau đầu, yếu cơ, chuột rút, khát nước, huyết áp tụt, chán ăn, mạch nhanh.
- Đến ngay cơ sở y tế gần nhất để nhân viên y tế có phương pháp xử lý điều trị triệu chứng và hỗ trợ như: bù lại lượng nước và điện giải đã mất,...

HẠN DÙNG:

- 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Không sử dụng thuốc hết hạn dùng.

BẢO QUẢN:

Nơi khô (độ ẩm $\leq 70\%$), nhiệt độ $\leq 30^\circ\text{C}$, tránh ánh sáng.

TRÌNH BÀY:

Vi 30 viên nén. Hộp 10 vi.

Tiêu chuẩn áp dụng: ĐDVN IV

Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ.
Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sỹ.

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR
297/5 Lý Thường Kiệt - Quận 11 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam